TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 02 năm 2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đức Quang và ông Tôn Thất Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu- tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu- tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỷ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 15/01/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Á, sinh năm 1985

Địa chỉ thường trú: Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Nhà thuê Nguyễn Chí T, tổ A, ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Trương Văn H, sinh năm 1982;

Địa chỉ thường trú: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Tổ A, ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Á, ông H có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Đinh Thị Á có đơn xin xét xử vắng mặt tuy nhiện tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng trình bày:

Bà Á và ông Trương Văn H tự nguyện yêu thương chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 27/9/2013.

Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn, nói chuyện với nhau được. Từ năm 2020 cho đến nay vợ chồng bà đã sống ly thân với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn H.

Về con chung: 02 con chung là Trương Đinh Huyền T1, sinh ngày 22/8/2018 và Trương Đinh Tuấn D, sinh ngày 14/10/2014. Theo đơn khởi kiện bà Á yêu cầu nuôi dưỡng hai con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), tổng hai con là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Tuy nhiên tại phiên họp tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải ngày 07/02/2025, bà Á thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi mỗi con một tháng là 1.000.000 đồng, hai con là 2.000.000 đồng/tháng. Bà Á trình bày thêm hiện nay đang làm công nhân công ty C thu nhập mỗi tháng trung bình là 12.000.000 đồng, bà cũng có nơi ở ổn định nên đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi con, đồng thời cung cấp phiếu lương, sao kê tài khoản ngân hàng của bà cho Tòa án để chứng minh thu nhập của bà.

Về tài sản chung: Bà Á không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Á khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Á đồng ý nộp toàn bộ án phí ly hôn.

- Bị đơn ông Trương Văn H có đơn xin vắng mặt và có bản tự khai ngày 16/01/2025 trình bày ý kiến:

Ông và bà Đinh Thị Á tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2013 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 27/9/2013. Qúa trình chung sống hai vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng ông đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay bà Á yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý thuận tình ly hôn với bà Đinh Thị Ánh .

Về con chung: 02 con chung là Trương Đinh Huyền T1, sinh ngày 22/8/2018 và Trương Đinh Tuấn D, sinh ngày 14/10/2014. Ông đồng ý giao hai con cho bà Á trực tiếp nuôi dưỡng và ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng là

1.000.000 đồng, hai con tổng cộng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung: Ông H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Yêu cầu của bà Á là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Á về việc được ly hôn với ông H; về con chung giao 02 con chung là Trương Đinh Huyền T1, sinh ngày 22/8/2018 và Trương Đinh Tuấn D, sinh ngày 14/10/2014 cho bà Á trực tiếp nuôi dưỡng và ông H cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, hai con tổng cộng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi các con thành niên. Về nợ chung đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng nên không xem xét giải quyết. Bà Á phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Bà Đinh Thị Á yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai giải quyết ly hôn với ông Trương Văn H và yêu cầu nuôi con chung, vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Bị đơn là ông Trương Văn H có nơi cư trú tại tổ A, ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Bà Á, ông H đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

2.1. Bà Á, ông H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa bà Á, ông H là hôn nhân hợp pháp.

2.2. Trên cơ sở lời khai, lời trình bày của bà Á và ông H thì thấy cuộc sống hôn nhân của bà Á, ông H chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bà Á yêu cầu ly hôn với ông H thì ông H cũng đồng ý ly hôn. Do đó cuộc sống hôn nhân của bà Á, ông H không có sự yêu thương, tôn trọng; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà Á đối với ông H là có cơ sở chấp nhận.

2.3. Về con chung: Bà Á yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung là Trương Đinh Huyền T1, sinh ngày 22/8/2018 và Trương Đinh Tuấn D, sinh ngày 14/10/2014. Ông H đồng ý giao hai con cho bà Á trực tiếp nuôi dưỡng và ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, hai con tổng cộng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng. Bà Á đồng ý đối với mức cấp dưỡng nuôi hai con của ông H. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của các đương sự.

2.4. Về nợ chung và tài sản chung: Các đương sự khai không có nợ chung, các đương sự không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của bà Á, ông H trong vụ án này.

[3]. Về án phí ly hôn: Bà Á khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Á đã nộp. Ông H phải cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 119, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Ánh.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị Á được ly hôn với ông Trương Văn H.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Trương Đinh Huyền T1, sinh ngày 22/8/2018 và Trương Đinh Tuấn D, sinh ngày 14/10/2014 cho bà Đinh Thị Á trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Ông Trương Văn H cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng (hai con là 2.000.000 đồng/01 tháng) kể từ ngày 26/02/2025 cho đến khi cháu T1, cháu D đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của ông Trương Văn H.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Đinh Thị Á phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Á đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0025032 ngày 15/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Như vậy, bà Á đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

+ Ông Trương Văn H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Bà Á, ông H có quyền kháng cáo trong hạn thời 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án này theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Quyết Tâm